TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HS-PT
Ngày: 29-7-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Đinh Phước Hòa**

Các Thẩm phán: **Bà Võ Thị Ngọc Dung**

Ông Trần Đức Kiên.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Đoàn Thị Thu Hiền** - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Vân** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 312/2025/TLPT-HS ngày 25 tháng 6 năm 2025 đối với các bị cáo Lê Thị Hoài T về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Do có kháng cáo của bị cáo Lê Thị Hoài T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2025/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXPT-HS ngày 09 tháng 7 năm 2025.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Lê Thị Hoài T, sinh ngày: 11 tháng 4 năm 1988 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định (nay là thôn T, xã T, tỉnh Gia Lai); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; con ông: Lê Văn P, sinh năm: 1955 và bà: Trần Thị Thu H, sinh năm: 1960; chồng: Phan Hữu L, sinh năm: 1983, Con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*", bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo: Luật sư Bùi Văn P1 - Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh G. Có mặt

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Bùi Văn P1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị Hoài T là nhân viên văn thư của Trường tiểu học S phường B, thị xã A nghỉ việc vào tháng 02/2023. Từ năm 2018, T bắt đầu vay tiền của nhiều người để sử dụng vào mục đích cá nhân, chi tiêu cho gia đình. Do nguồn thu nhập hàng tháng không đủ để trả nợ nên T tiếp tục đi vay tiền của nhiều người với lãi suất cao để trả cho những khoảng nợ đến hạn, nên dẫn đến việc T nợ tiền của nhiều người. Đến cuối tháng 3/2021, vợ chồng T bán ngôi nhà tại địa chỉ 2 N, phường N, TX. A lấy tiền trả hết nhưng vẫn còn nợ và từ thời điểm này T không còn khả năng trả nợ cho những người còn lại, nhưng T che giấu và không nói cho ai biết về việc này. Để có tiền tiếp tục trả nợ, tiêu xài cá nhân, T dùng thủ đoạn gian dối bằng cách đưa ra nhiều thông tin không có thật như vay tiền để đáo hạn Ngân hàng, vay tiền để kinh doanh mua bán mai trong dịp tết, vay tiền giúp cho bạn, vay tiền giúp cho em chồng, giả danh cô ruột để vay tiền, giới thiệu có lô đất đẹp bán với giá rẻ … để hỏi người khác vay tiền. Tin tưởng những thông tin T đưa ra là thật nên Nguyễn Thanh V1, Bùi Văn P1 và Đoàn Thị Ánh T1 nhiều lần cho T vay tiền, đưa tiền cho T để đặt cọc mua đất và bị Thương chiếm đoạt với tổng số tiền là 1.782.070.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Đối với Nguyễn Thanh V1:

Từ ngày 18/11/2021 đến ngày 27/10/2022, Lê Thị Hoài T đưa ra thông tin gian dối là vay tiền để đáo hạn Ngân hàng, kinh doanh mua bán mai trong dịp tết, vay tiền giúp cho bạn, vay tiền giúp cho em chồng … để hỏi vay tiền của Nguyễn Thanh V1, thời hạn vay từ 10 ngày đến 04 tháng, lãi suất từ 08% đến 15%/tháng. Tin lời, V1 cho T vay 23 lần với số tiền 2.489.200.000 đồng, T đã trả được số tiền 1.404.430.000 đồng (gồm 300.000.000 đồng tiền gốc và 1.104.430.000 đồng tiền lãi). Số tiền của V1 bị Thương chiếm đoạt là 1.084.770.000 đồng.

Thương xác định từ ngày 15/6/2022 đến ngày 26/7/2022 nhiều lần trả lãi bằng tiền mặt cho V1 với số tiền 199.300.000 đồng, nhưng T không cung cấp tài liệu hay chứng cứ gì để chứng minh rằng mình đã trả lãi bằng tiền mặt với số tiền

199.300.000 đồng. Còn V1 xác định T trả lãi bằng tiền mặt với số tiền 96.100.000 đồng. Cơ quan điều tra đã tổ chức đối chất giữa T với V1 nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Do đó, không có căn cứ để xác định T trả tiền lãi bằng tiền mặt với số tiền 199.300.000 đồng, mà chỉ có căn cứ xác định T trả lãi bằng tiền mặt với số tiền 96.100.000 đồng trong tổng số tiền lãi đã trả 1.104.430.000 đồng.

2. Đối với Bùi Văn P1:

Từ ngày 04/7/2022 đến ngày 27/10/2022, T đưa ra thông tin gian dối là vay tiền để đáo hạn Ngân hàng, giả danh cô ruột với tên Z "Thu H1" vay tiền để đặt cọc mua đất, đáo hạn Ngân hàng, vay tiền lo công chuyện, giới thiệu có lô đất đẹp bán với giá rẻ để hỏi vay tiền của Bùi Văn P1 và nhận tiền của P1 để đặt cọc mua đất, thời hạn vay từ 01 tháng đến 02 tháng, lãi suất từ 18% đến 20%/tháng. Tin lời, P1 cho T và người có tên Z "Thu H1" vay nhiều lần với số tiền 751.300.000 đồng, chuyển cho T số tiền 100.000.000 đồng để đưa lại cho người có tên Z "Thu Huong" đặt cọc mua đất. Tổng cộng: 851.300.000 đồng, T đã trả được số tiền 229.000.000 đồng (gồm 100.000.000 đồng tiền gốc và 129.000.000 đồng tiền lãi). Số tiền của P1 bị Thương chiếm đoạt là 622.300.000 đồng.

Lê Thị Hoài T xác định từ tháng 9/2022 đến ngày 27/10/2022 nhiều lần trả lãi bằng tiền mặt cho P1 với số tiền 70.200.000 đồng, nhưng T không cung cấp tài liệu hay chứng cứ gì để chứng minh rằng mình đã trả lãi bằng tiền mặt với số tiền 70.200.000 đồng. Còn P1 xác định T trả lãi bằng tiền mặt với số tiền 49.700.000 đồng. Cơ quan điều tra đã tổ chức đối chất giữa T với P1 nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Do đó, không có căn cứ để xác định T trả lãi bằng tiền mặt cho P1 với số tiền 70.200.000 đồng, mà chỉ có căn cứ xác định T trả lãi bằng tiền mặt với số tiền 49.700.000 đồng trong tổng số tiền lãi đã trả 129.000.000 đồng.

3. Đối với bà Đoàn Thị Ánh T1:

Ngày 31/10/2022, T đưa ra thông tin gian dối là cần tiền để đáo hạn Ngân hàng, thời hạn vay 10 ngày, lãi suất 0,5%/ngày và hứa hẹn tặng nửa lạng yến để hỏi vay tiền T1. Tin lời, T1 cho T vay số tiền 75.000.000 đồng, T chưa trả được khoản nào. Số tiền của T1 bị Thương chiếm đoạt là 75.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2025/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

"*1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Hoài T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".*

Căn cứ vào: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Hoài T 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án."

Ngoài ra, bản án còn tuyên về hình phạt đối với bị cáo P1, bồi thường thiệt hại, tịch thu sung ngân sách Nhà nước, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 26/5/2025, bị cáo Lê Thị Hoài T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư Bùi Văn P1: Trong vụ án này bị cáo vay tiền của bị hại này để trả cho bị hại khác. Bị hại cũng có phần lỗi, bị hại cho bị cáo vay với lãi suất cao dẫn đến bị cáo không còn có khả năng trả nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng hình sự. Tòa án cấp sơ xét xử bị cáo Lê Thị Hoài T về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng pháp luật, mức hình phạt 12 năm tù đối với bị cáo là tương xứng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Hoài T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, trình bày của bị cáo, luật sư.

[1] Theo bản án hình sự sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai người bị hại, tang vật thu giữ, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có đủ cơ sở xác định: Để có tiền trả nợ và tiêu sài cá nhân, Lê Thị Hoài T đã dùng thủ đoạn gian dối như là cần vay tiền để đáo hạn ngân hàng, kinh doanh mua bán mai trong dịp tết, vay tiền giúp người thân, đặt cọc mua đất để chiếm đoạt của anh Nguyễn Thanh V1 số tiền 1.084.770.000 đồng, anh Bùi Văn P1 số tiền 622.300.000 đồng, chị Đoàn Thị Ánh T1 số tiền 75.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo Lê Thị Hoài T về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm hình phạt với lý do thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân tốt, có cha ruột là

thương binh, bị cáo trước khi phạm tội là Đảng viên, nuôi con nhỏ, trong vụ án bị hại cũng có một phần lỗi.

[2] Tính chất hành vi của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, chỉ vì cần tiền để trả nợ và tiêu sài cá nhân, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của các bị hại với số tiền rất lớn là 1.782.070.000 đồng. Do đó, cần xử bị cáo với mức hình phạt thật nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục bị cáo cũng như ngăn ngừa loại tội phạm này tại địa phương.

[3] Bị cáo bị truy tố xét xử theo khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*Phạm tội 02 lần trở lên*", cũng như bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có cha ruột là thương binh; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để từ đó xử phạt bị cáo 12 năm tù là mức khởi điểm của khung hình phạt phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Hoài T.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Lê Thị Hoài T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Hoài T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2025/HS-ST ngày 19/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai sau sáp nhập).

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

1. Xử phạt bị cáo Lê Thị Hoài T 12 (mười hai) năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

2. Về án phí: Bị cáo Lê Thị Hoài T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị như: hình phạt đối với bị cáo Bùi Văn P1, phần bồi thường dân sự, án phí sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo (theo địa chỉ)
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Phước Hòa